CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư - Kinh doanh Nhà

Ngày 30/09/2025	14,950 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-7.7%	**1.7%**	**28.9%**

DT thuần
Q3/25
195
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.00| 3.7%
YoY: ▲ 60.0| 44.4%

LN thuần
Q3/25
31.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 14.2| 82.9%
YoY: ▲ 27.5| 723%

LN sau thuế
Q3/25
37.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 32.5| 669%
YoY: ▲ 31.3| 512%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
34.9%
YoY: +/-▲ 17.5%

ROE (TTM)
Q3/25
2.3%
YoY: +/-▲ 0.8%

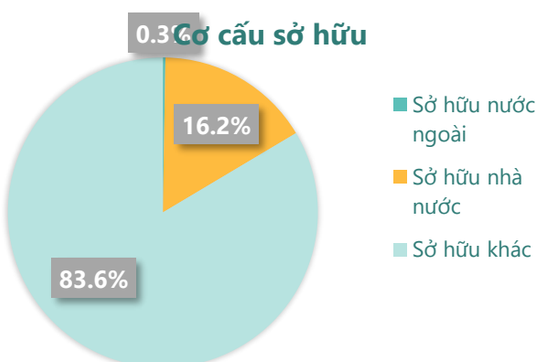
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,910 - 18,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,434
Số lượng CPLH (CP)	95,935,049
KLGD BQ 20 phiên (CP)	237,690
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	1.08
EPS	606
P/E	24.7

DT thuần
9T 2025
543
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 139| 34.4%

LN thuần
9T 2025
63.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 35.6| 126%

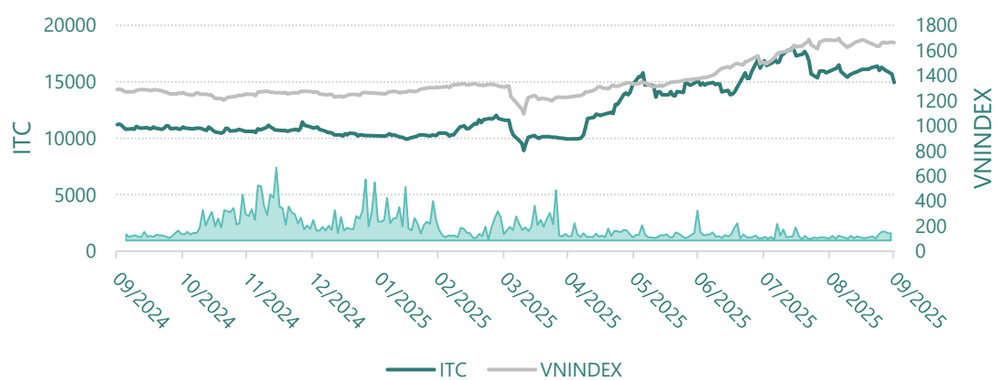
LN sau thuế
9T 2025
53.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 32.2| 150%

Cơ cấu sở hữu

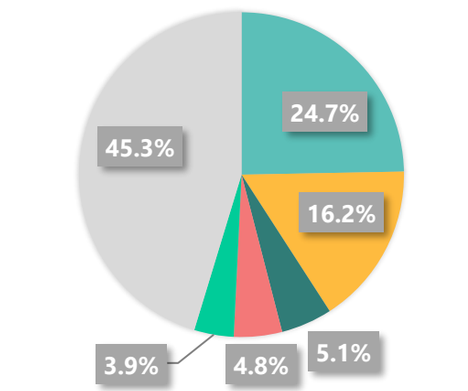


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



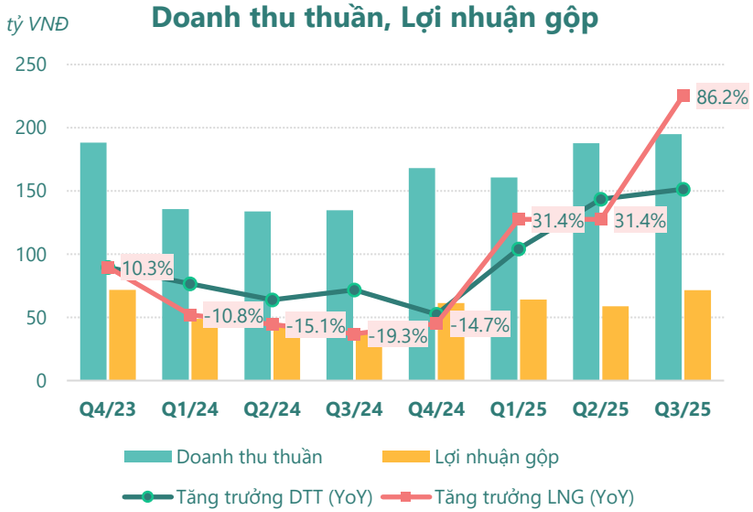
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

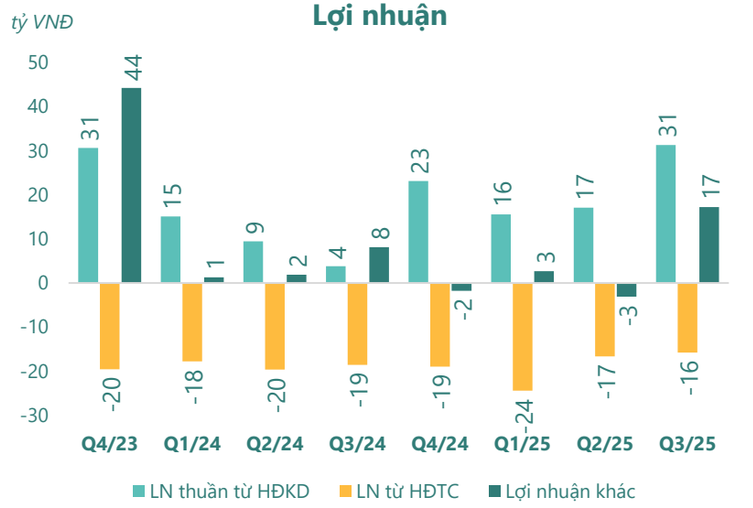
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



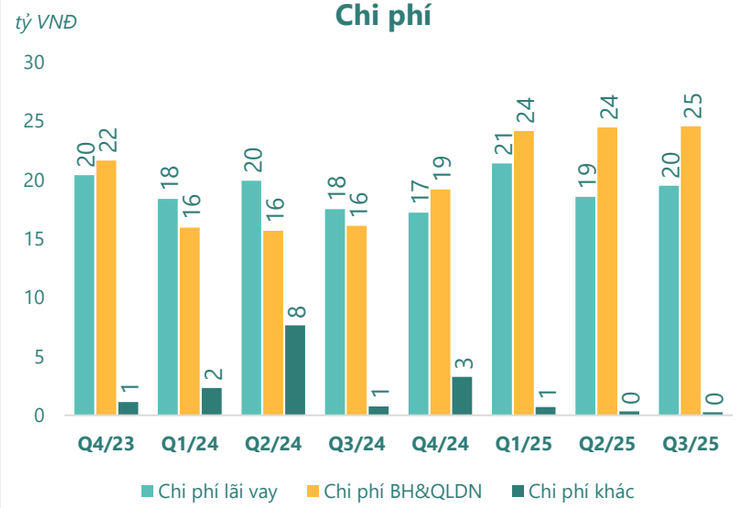
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



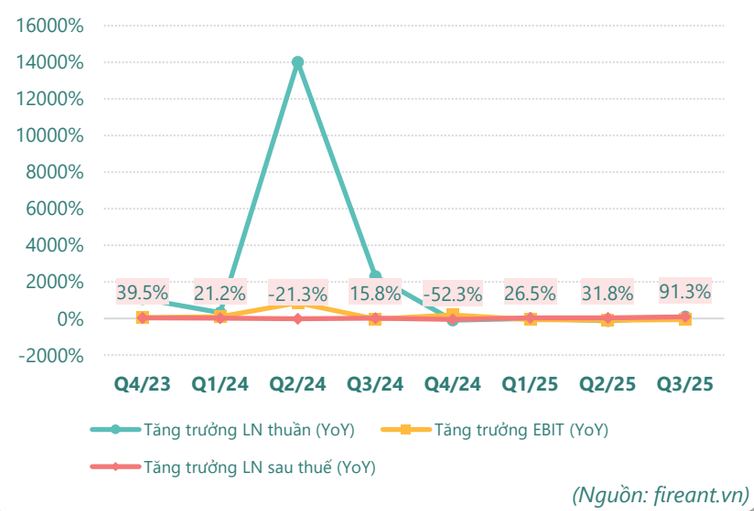
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



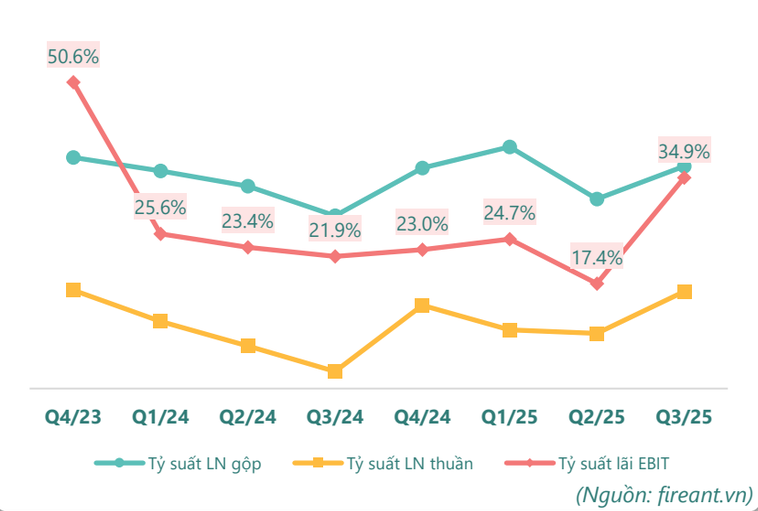
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



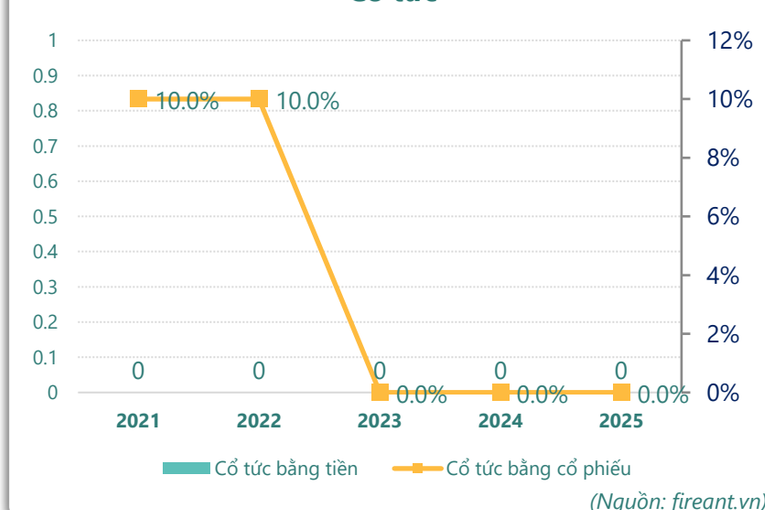
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

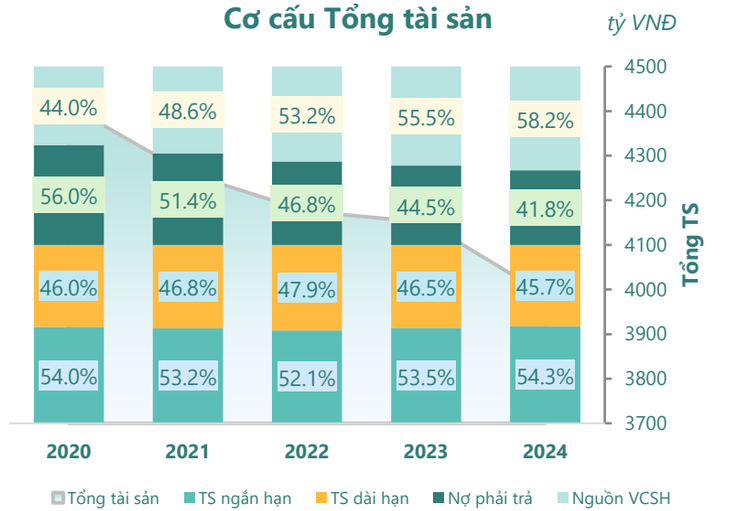
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

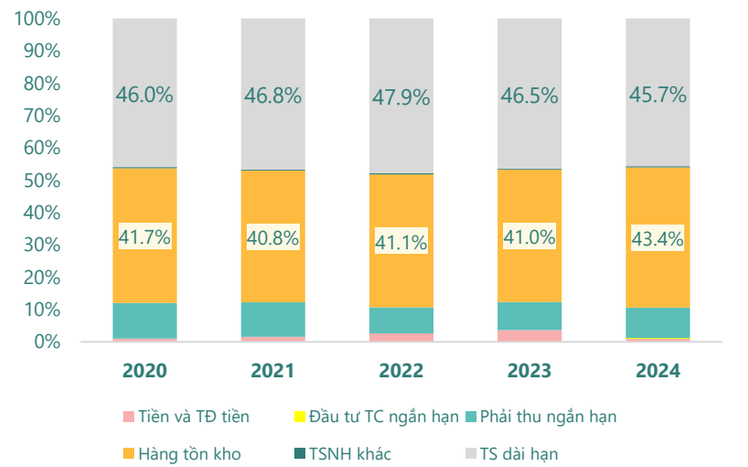
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



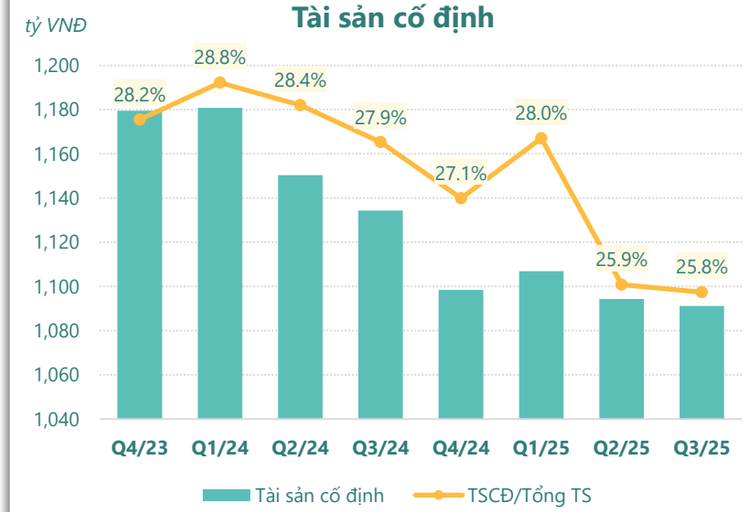
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



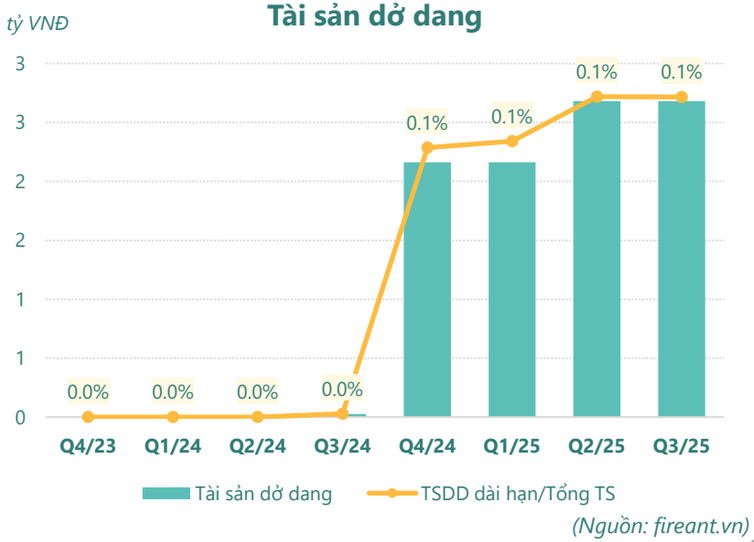
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



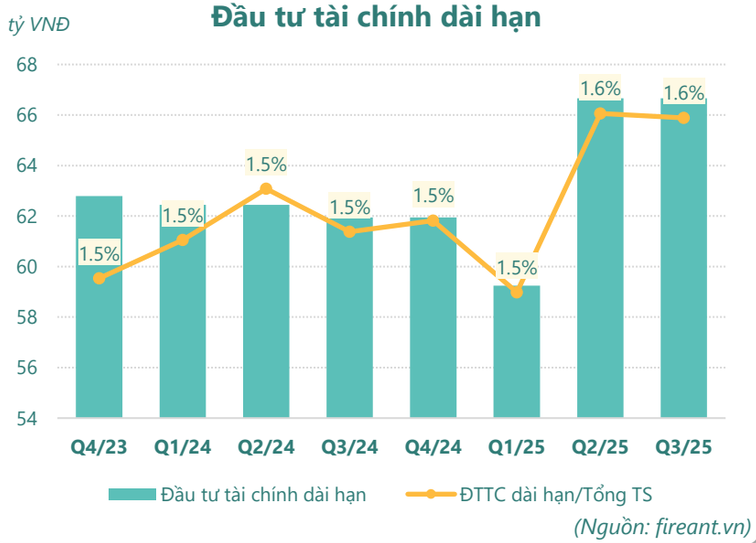
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



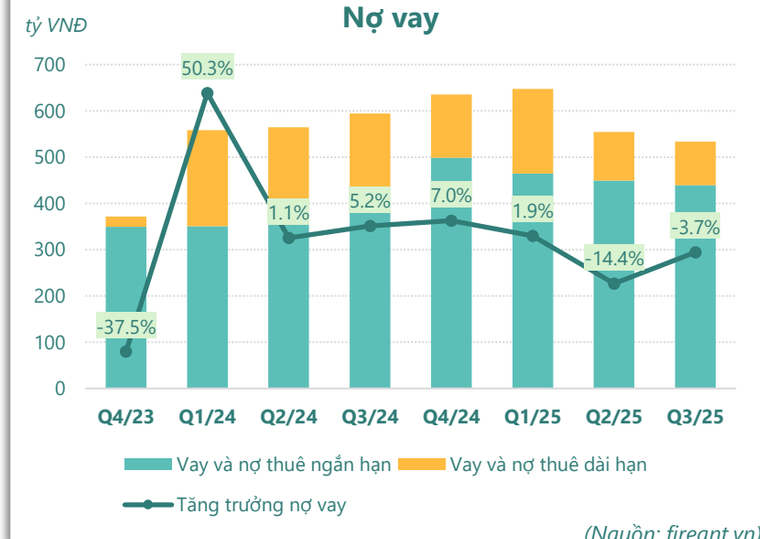
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

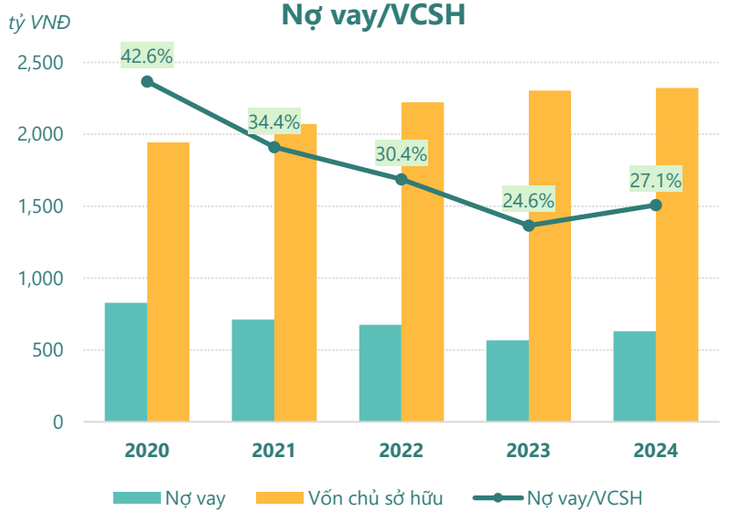
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

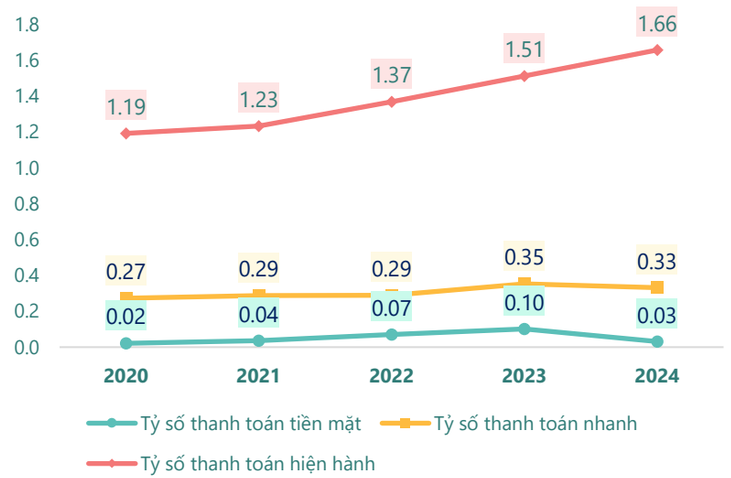
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



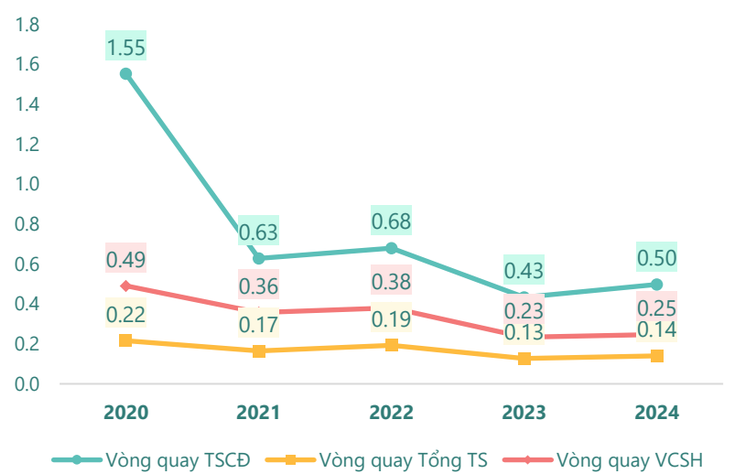
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



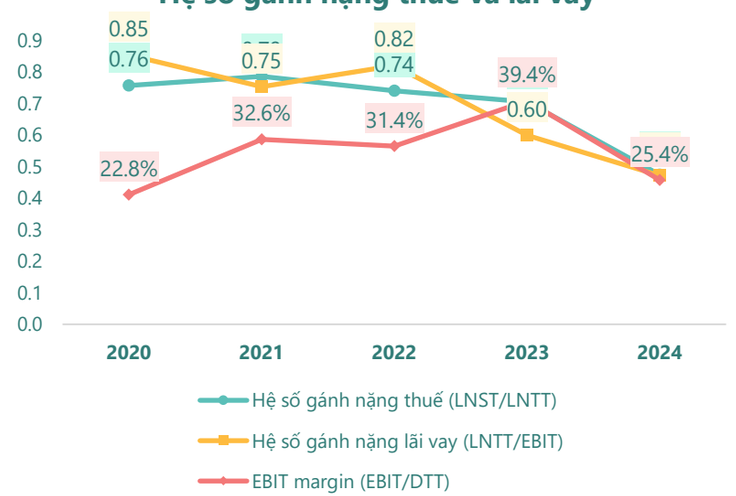
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



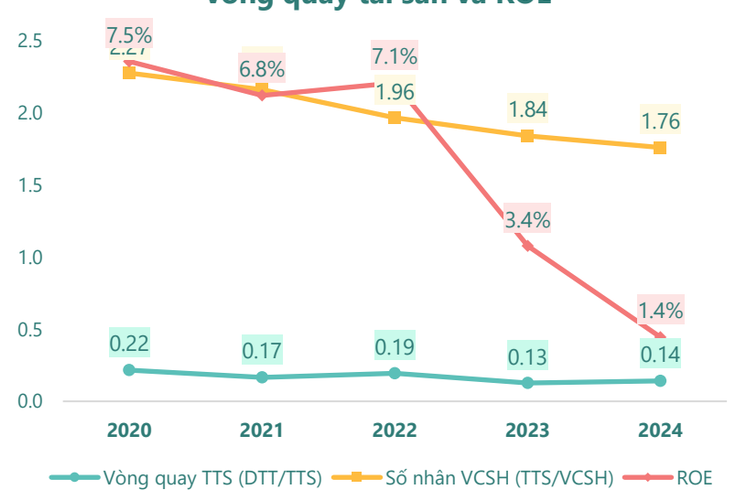
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



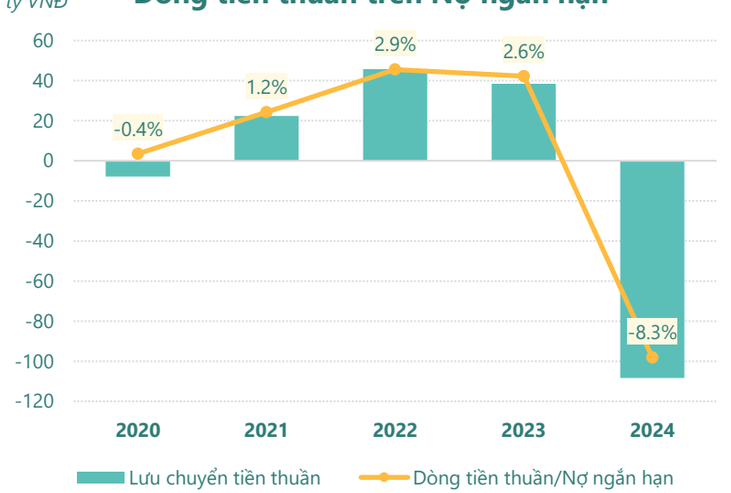
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**195**	**135**	**44.4%**	**543**	**404**	**34.4%**
Giá vốn hàng bán	123	96.2	28.2%	349	272	28.1%
Lợi nhuận gộp	71.6	38.5	86.0%	195	132	47.4%
Doanh thu HĐTC	3.77	0.14	2595%	3.86	1.09	254%
Chi phí TC	19.5	18.7	4.5%	60.7	57.0	6.4%
Chi phí lãi vay	19.5	17.5	11.5%	59.5	55.9	6.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**-0.57**	**0**	
Chi phí bán hàng	4.18	1.82	130%	14.2	4.80	196%
Chi phí QLDN	**20.4**	**14.3**	**42.7%**	**59.1**	**43.0**	**37.5%**
LN thuần từ HĐKD	31.3	3.80	723%	63.9	28.3	126%
Lợi nhuận khác	**17.2**	**8.09**	**113%**	**16.8**	**11.2**	**50.3%**
LN trước thuế	48.5	11.9	308%	80.7	39.5	104%
Lợi nhuận sau thuế	**37.4**	**6.12**	**512%**	**53.7**	**21.5**	**150%**
LNST của CĐ cty mẹ	**28.5**	**7.23**	**294%**	**46.1**	**22.7**	**103%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	5.03	36.6	-5.00	-9.60	383	318
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.46	20.3	8.58	0.01	-12.1	-278
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-10.7	-70.0	-59.3	3.41	-79.0	-30.6
Tiền đầu kỳ	124	116	103	46.9	40.8	327
Lưu chuyển tiền thuần	**-8.11**	**-13.0**	**-55.8**	**-6.18**	**292**	**9.44**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.10	0.01	0	0	0
Tiền cuối kỳ	116	103	47.0	40.8	327	336

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,230**	**3,988**	**6.1%**
Tài sản ngắn hạn	2,443	2,165	12.9%
Tiền và tương đương tiền	336	40.5	729%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.2	6.40	59.4%
Phải thu ngắn hạn	386	374	3.3%
Hàng tồn kho	1,701	1,732	-1.8%
Tài sản ngắn hạn khác	10.2	11.9	-14.7%
Tài sản dài hạn	**1,787**	**1,823**	**-2.0%**
Phải thu dài hạn	11.9	19.9	-40.3%
Tài sản cố định	1,091	1,108	-1.5%
Bất động sản đầu tư	570	587	-3.0%
Tài sản dở dang	2.68	2.16	24.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	66.7	61.2	8.9%
Tài sản dài hạn khác	**44.8**	**44.9**	**-0.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,480	1,666	-11.1%
Nợ ngắn hạn	**1,210**	**1,306**	**-7.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	439	445	-1.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	88.2	121	-27.4%
Nợ dài hạn	270	359	-24.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	94.7	185	-48.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,750**	**2,323**	**18.4%**
Vốn chủ sở hữu	**2,750**	**2,323**	**18.4%**
Vốn điều lệ	964	964	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)